

Tên: Lớp: Trường Tiểu học Lam Sơn	ÔN TẬP TOÁN LỚP 3 - TUẦN 27 Các khả năng xảy ra của một sự kiện Luyện tập - Trăm nghìn
--	---

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

*** Trong hộp có 2 con gấu bông màu đỏ và 1 con gấu bông màu xanh.**

Bạn Minh không nhìn vào hộp, lấy ra 2 con gấu bông. Trong 2 con gấu bông bạn Minh lấy ra:

Câu 1. Chắc chắn có con gấu bông màu đỏ. Đúng hay Sai ?

A.Đúng B.Sai

Câu 2. Có thể có 2 con gấu bông màu đỏ. Đúng hay Sai ?

A.Đúng B.Sai

Câu 3. Chắc chắn là 2 con gấu bông màu đỏ. Đúng hay Sai ?

A.Đúng B.Sai

Câu 4. Có thể có 2 con gấu bông màu xanh. Đúng hay Sai ?

A.Đúng B.Sai

*** Trong hộp có ba thẻ 2 3 4 . Không nhìn vào hộp , lấy ra một thẻ.**

Câu 5. Có thể lấy một thẻ mang số 4 . Đúng hay Sai ?

A.Đúng B.Sai

Câu 6. Chắc chắn lấy được một thẻ mang số bé hơn 5 . Đúng hay Sai ?

A.Đúng B.Sai

Câu 7. Không thể lấy được một thẻ lớn hơn 2 . Đúng hay Sai ?

A.Đúng B.Sai

Câu 8. Giá trị của biểu thức: $4\,237 + 3\,926$ là:

A. 8 613 B. 311 C. 8 163

Câu 9. Giá trị của biểu thức: $8\,764 + 328$ là:

A. 9 920 B. 9 902 C. 9 092

Câu 10. Giá trị của biểu thức: $8\,294 - 3\,745$ là:

A. 4 594 B. 4 549 C. 5 549

Câu 11. Giá trị của biểu thức: $6\,018 - 5\,809$ là:

A. 9 92 B. 902 C. 209

Câu 12. Giá trị của biểu thức : $2\,415 \times 4$ là:

A. 9 660

B. 9066

C. 6609

Câu 13. Giá trị của biểu thức : $1\,207 \times 8$ là:

A. 5 696

B. 9 656

C. 6 569

Câu 14. Giá trị của biểu thức : $3\,328 : 8$ là:

A. 406

B. 816

C. 416

Câu 15. Giá trị của biểu thức : $3\,915 : 9$ là:

A. 435

B. 534

C. 345

Câu 16. Số 44 429 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị?

A. 4 chục nghìn 4 nghìn 4 trăm 9 chục 2 đơn vị

B. 4 chục nghìn 3 nghìn 4 trăm 2 chục 9 đơn vị

C. 4 chục nghìn 4 nghìn 4 trăm 2 chục 9 đơn vị

Câu 17. Cho dãy số sau: 12 125; 12 130; 12 135; 12 140;.....

Số thứ sáu của dãy số trên là số nào?

A. 12 145

B. 12 245

C. 12 150

Câu 18. Số nào dưới đây có chữ số hàng chục nghìn là 1?

A. 1 000

B. 10 000

C. 100 000

Câu 19. Điền dấu $> < =$ thích hợp vào chỗ chấm khi so sánh 14 499 14 500

A. $>$

B. $=$

C. $<$

Câu 20. Chọn đáp án có chứa số không phải số tròn chục

A. 11 010

B. 11 100

C. 11 001

ĐÁP ÁN TOÁN LỚP 3 - TUẦN 27

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A	A	B	B	A	A	B	C	C	B
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
C	A	B	C	A	C	C	B	C	C